



KHUNG NỘI DUNG, THỜI GIAN THỰC HÀNH BÁC SĨ CHUYÊN KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 1875/VB-TTYT ngày 26/9/2024 của Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều)

I. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

1. Đối tượng:

- 1.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);
- 1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

2. Thời gian, địa điểm thực hành:

2.1 Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản:

Người thực hành thực hành tập trung 09 tháng tại Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều, trong đó:

- 03 Tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc.
- 06 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Chẩn đoán hình ảnh.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Người thực hành thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều, trong đó:

- 03 Tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc.
- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Chẩn đoán hình ảnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Sau khi kết thúc thời gian thực hành tại trung tâm, người thực hành (là bác sĩ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh) được thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp trên người bệnh dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Kiến thức

- Nắm rõ được các nội dung cơ bản các quy định, nội quy của Nhà nước, của ngành và Trung tâm đối với Bác sĩ làm việc trong bệnh viện.

- Nắm rõ được nội dung cơ bản các quy trình kỹ thuật các chuyên ngành.

2.2. Kỹ năng

- Thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật.
- Khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý tại các chuyên khoa thực hành.
- Thực hiện được kỹ thuật theo chuyên khoa.
- Thực hiện đúng quy trình thực hành phòng ngừa chuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Thực hiện đúng các quy định về an toàn người bệnh trong thực hành và báo cáo sự cố y khoa.
- Giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp đúng mực và phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng.
- Giáo dục sức khỏe và tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh phù hợp

2.3. Thái độ

- Tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật liên quan, các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.
- Tác phong cẩn thận, tử mỉ, trung thực, tôn trọng, hợp tác với người bệnh, đảm bảo thực hiện nghiêm túc quy định, quy trình kỹ thuật chuyên môn của trung tâm.

III. YÊU CẦU

1. Đối với người thực hành

- Tuân thủ quy chế chuyên môn, nội quy Trung tâm và các quy định của Nhà nước.
- Thực hiện đúng trách nhiệm của người thực hành theo quy định. Tuân thủ theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.
- Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn cho phép.
- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh.
- Đảm bảo kết quả thực hành khám chữa bệnh theo yêu cầu.

2. Đối với người hướng dẫn thực hành

- Thực hiện đúng quy chế chuyên môn, nội quy Trung tâm và các quy định của Nhà nước.
- Có trách nhiệm hướng dẫn người thực hành khám chữa bệnh theo đúng quy định để đạt kết quả theo yêu cầu. Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

3. Đối với khoa, phòng hướng dẫn thực hành

- Có trách nhiệm phân công người hướng dẫn thực hành; theo dõi, quản lý, giám sát hoạt động hướng dẫn thực hành tại đơn vị mình theo đúng quy định.

IV. NỘI DUNG THỰC HÀNH

Người thực hành tham gia tiếp nhận, khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và làm bệnh án của bệnh nhân mắc các bệnh lý theo từng chuyên khoa như sau:

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa cấp cứu - Hồi sức tích cực và chống độc
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
	- Cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản và nâng cao
	- Chẩn đoán và xử trí suy hô hấp cấp
	- Chẩn đoán và xử trí bệnh nhân hôn mê
	- Chẩn đoán và xử trí phản vệ
	- Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp
	- Chẩn đoán và xử trí hội chứng vành cấp
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
2	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng
3	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng
4	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ
5	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu
6	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
7	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
8	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
9	Đặt ống nội khí quản
10	Mở màng phổi cấp cứu
11	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca
12	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
13	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
14	Đặt ống thông dạ dày
15	Rửa dạ dày cấp cứu
16	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn
17	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
18	Băng bó vết thương
19	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
20	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
21	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
II	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
	Lâm sàng
	A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN
1	Siêu âm tuyến giáp
2	Siêu âm các tuyến nước bọt
3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt

4	Siêu âm hạch vùng cổ
5	Siêu âm màng phổi
6	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)
7	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi
8	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)
9	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)
10	Siêu âm tử cung phần phụ
11	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)
12	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)
13	Siêu âm Doppler động mạch thận
14	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ
15	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)
16	Siêu âm 3D/4D thai nhi
17	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng
18	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo
19	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng
20	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo
21	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu
22	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa
23	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối
24	Siêu âm Doppler động mạch tử cung
25	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng đầu
26	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng giữa
27	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng cuối
28	Siêu âm 3D/4D thai nhi
29	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)
30	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)
31	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực
32	Siêu âm tuyến vú hai bên
33	Siêu tinh hoàn hai bên
34	Siêu âm dương vật
35	Siêu âm Doppler dương vật
36	Siêu âm trong mô
37	Siêu âm tại giường
	B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)
1	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng
2	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng
3	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao
4	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến
5	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng

6	Chụp Xquang Blondeau
7	Chụp Xquang Hirtz
8	Chụp Xquang hàm chéch một bên
9	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến
10	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng
11	Chụp Xquang Chausse III
12	Chụp Xquang Schuller
13	Chụp Xquang Stenvers
14	Chụp Xquang khớp thái dương hàm
15	Chụp Xquang răng toàn cảnh
16	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng
17	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên
18	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế
19	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2
20	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch
21	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng
22	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên
23	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng
24	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn
25	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng
26	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên
27	Chụp Xquang khung chậu thẳng
28	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéch
29	Chụp Xquang khớp vai thẳng
30	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéch
31	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng
32	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng
33	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéch
34	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)
35	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng
36	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéch
37	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéch
38	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên
39	Chụp Xquang khớp háng nghiêng
40	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng
41	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéch
42	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè
43	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng
44	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéch
45	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéch

46	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng
47	Chụp Xquang ngực thẳng
48	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên
49	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng
50	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chéo
51	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn
52	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng
53	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng
54	Chụp Xquang tại giường
55	Chụp Xquang tại phòng mổ
56	Chụp Xquang thực quản dạ dày
57	Chụp Xquang ruột non
58	Chụp Xquang đại tràng
59	Chụp Xquang đường mật qua Kehr
60	Chụp Xquang đường dò
61	Chụp Xquang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)
C. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN (CT)	
1. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 1-128 dãy	
1	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang
2	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang
3	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang
4	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang
2. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 1-128 dãy	
1	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang
2	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang
3. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 1-128 dãy	
1	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)
2	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy
3	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)
4	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy
5	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)
6	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất
4. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 1-128 dãy	
1	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang
2	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang
3	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang
4	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang

5	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang
	D. CHỤP CỘNG HƯỞNG TỪ (Cộng hưởng từ)
	1. Chụp cộng hưởng từ vùng đầu - mặt - cổ máy từ lực 0.2-1.5T
1	Chụp cộng hưởng từ sọ não
2	Chụp cộng hưởng từ sọ não có tiêm chất tương phản
3	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não không tiêm chất tương phản
4	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não có tiêm chất tương phản
5	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ không tiêm chất tương phản
6	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ có tiêm chất tương phản
7	Chụp cộng hưởng từ tuyến yên có tiêm chất tương phản (khảo sát động học)
8	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác
9	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác có tiêm chất tương phản
10	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt - cổ
11	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt - cổ có tiêm tương phản
	2. Chụp cộng hưởng từ vùng bụng, chậu máy từ lực 0.2-1.5T
1	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan-mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)
2	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan- mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)
3	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...)
4	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu dò hậu môn
5	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...)
6	Chụp cộng hưởng từ tuyến tiền liệt có tiêm tương phản
	3. Chụp Cộng hưởng từ cột sống - ống sống và xương khớp máy từ lực 0.2-1.5T
1	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ
2	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ có tiêm tương phản
3	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực
4	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực có tiêm tương phản
5	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng
6	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng có tiêm tương phản
7	Chụp cộng hưởng từ khớp
8	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản tĩnh mạch
9	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản nội khớp
10	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương
11	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương có tiêm tương phản
12	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi
13	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi có tiêm tương phản